BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Số: 1825/QĐ-CAT-PC08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 451 thí sinh, hạng B, C1 *(có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).*

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 16/4/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Đại Phát - Cơ sở Nghĩa Đàn, địa chỉ: xã Nghĩa Thọ, tỉnh Nghệ An *(có mã QR kèm theo).*

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Trung tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Nguyễn Hoàng Anh, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Đại Phát - Cơ sở Nghĩa Đàn, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên *(có danh sách kèm theo).*

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đ/c Giám đốc (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số 185/QĐ-CAT-PC08 ngày 14/4/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Trung tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng uý Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Kèm theo Quyết định số: 1825/QĐ-CAT-PC08 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	NGUYỄN VĂN ÁI	23/09/1986	*********95	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		3614
2	ĐẶNG TRỌNG AN	20/08/1985	*********51	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6965
3	NGUYỄN THỊ AN	06/03/1994	*********98	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		6758
4	NGUYỄN DUY AN	03/05/1972	*********75	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6762
5	LÊ VĂN TUẤN ANH	21/01/1993	*********17	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6966
6	ĐÀO THẾ ANH	28/04/1979	*********79	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6972
7	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	03/08/1995	*********49	Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	x	A2	6736
8	NGUYỄN ĐỨC ANH	29/03/1993	*********90	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6812
9	PHẠM NGỌC ANH	18/08/1987	*********91	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6814
10	VÕ THỊ HOÀNG ANH	14/03/1998	*********90	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6829
11	NGÂN THỊ LAN ANH	20/05/1984	*********79	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		5291
12	LÊ VĂN ANH	13/06/1997	*********90	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	7054
13	LÊ THỊ NGỌC ANH	08/03/1995	*********11	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4079
14	LÊ NGỌC ANH	01/05/1987	*********64	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4792
15	VI VĂN ANH	05/04/1986	*********25	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		6429
16	NGUYỄN THỊ ANH	16/04/1993	*********53	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4805
17	LÊ THỊ KIM ANH	07/12/1999	*********57	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6339

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
18	LÔ TRUNG ANH	02/09/2003	*********10	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x		6415
19	ĐOÀN THỊ LAN ANH	12/08/1985	*********34	Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai	x	A1	5648
20	VÕ THỊ NGỌC ÁNH	04/09/1997	*********62	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6811
21	BÙI TRẦN VIỆT ÁNH	24/09/2002	*********19	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6271
22	LANG THỊ ÁNH	23/08/1995	*********01	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6181
23	HOÀNG VĂN ÂU	10/03/2000	*********81	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6771
24	NGUYỄN THÁI BẢO	02/05/2002	*********50	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5959
25	PHẠM VĂN BẢO	26/08/1985	*********19	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6430
26	PHAN NGỌC BẢY	20/03/1979	*********26	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		5614
27	TRƯƠNG XUÂN BẮC	08/02/2005	*********34	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6785
28	NGUYỄN VĂN BẮC	19/08/1976	*********83	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3181
29	VY VĂN CÂN	22/10/1990	*********31	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6825
30	NGUYỄN THỊ CẦN	20/07/1997	*********46	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4125
31	LƯƠNG XUÂN CẦU	03/10/1997	*********58	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6719
32	ĐÀO VIẾT CÔNG	12/08/1997	*********90	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6708
33	LỘC VĂN CÔNG	30/05/1969	*********88	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3261
34	LƯU ĐÌNH CƯƠNG	24/06/1985	*********80	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6737
35	NGÔ TRÍ CƯƠNG	16/01/1992	*********09	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3262

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
36	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	16/06/1980	*********08	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		5900
37	PHAN THỊ CHẮT	25/06/1991	*********38	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3948
38	LÊ THỊ CHÂU	17/11/1996	*********55	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6856
39	ĐẬU THANH CHÂU	13/10/1981	*********95	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6967
40	HỒ ĐÌNH CHÂU	12/10/1999	*********27	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		6838
41	NGUYỄN QUỲNH CHI	27/12/2005	*********36	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3066
42	BÙI THỊ CHIÊN	01/05/1978	*********45	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		1042
43	HOÀNG SỸ CHINH	10/01/1993	*********38	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6809
44	CAO NGỌC CHÍNH	03/12/1971	*********07	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6804
45	HOÀNG BÁ CHƯƠNG	06/09/1971	*********52	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6707
46	TRẦN VĂN CHƯƠNG	14/05/1979	*********84	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		2246
47	VI VĂN CHƯƠNG	09/09/1990	*********31	Xã Thanh Kỳ, Tỉnh Thanh Hóa	x		6500
48	LÔ VĂN CHƯƠNG	08/05/1977	*********14	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		5540
49	NGUYỄN CÔNG DANH	12/11/1986	*********58	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6815
50	LÔ ĐỨC DOAN	04/08/1993	*********80	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6485
51	NGÂN VĂN DOÃN	11/01/1982	*********10	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6304
52	NGUYỄN THỊ DUÂN	28/05/1986	*********28	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5403
53	ĐINH VĂN DUẨN	22/10/1988	*********91	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6135

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
54	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	20/08/1981	*********51	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6857
55	NGUYỄN THỊ MINH DUNG	10/10/1991	*********55	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		6878
56	TRẦN THỊ DUNG	23/08/1986	*********11	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		6041
57	TRẦN THỊ THÙY DUNG	08/10/1986	*********84	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6042
58	NGUYỄN THỊ DUNG	30/04/1985	*********49	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		6040
59	PHẠM HUY DŨNG	15/07/1992	*********68	Phường Mường Thanh, Tỉnh Điện Biên	x	A1	6974
60	TRẦN BÁ DŨNG	10/05/1993	*********24	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6772
61	VŨ QUỐC DŨNG	23/01/2000	*********47	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6817
62	TRƯƠNG THANH DŨNG	08/12/1988	*********14	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5971
63	NGUYỄN THANH DŨNG	24/08/1990	*********24	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		4027
64	LÔ VIỆT DŨNG	14/09/1983	*********64	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5990
65	LÊ HÙNG DỰ	24/04/1992	*********95	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6739
66	NGUYỄN ÍCH DƯƠNG	24/10/1991	*********34	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6693
67	NGUYỄN VĂN ĐẠI	03/01/2002	*********50	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3984
68	LÊ VĂN ĐẠI	02/04/2001	*********19	Xã Thăng Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		2160
69	CAO TIẾN TRỌNG ĐẠT	20/09/1998	*********36	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		6692
70	DIÊU TIẾN ĐẠT	20/01/2003	*********38	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6805
71	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	27/05/1993	*********12	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6813

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
72	TRẦN HẢI ĐĂNG	14/01/2005	*********19	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		2736
73	NGUYỄN KHẮC ĐIỀN	08/07/1985	*********03	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6816
74	VŨ VĂN ĐIỆN	13/11/1988	*********66	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6709
75	LÊ THỊ ĐIỆP	05/04/1989	*********18	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		7013
76	HỒ VIẾT ĐOÀN	18/07/1993	*********71	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6738
77	LÊ VĂN ĐÔN	19/05/1984	*********28	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6638
78	TRƯƠNG CÔNG ĐÔNG	18/08/1982	*********55	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		7055
79	NGÔ ĐÌNH ĐÔNG	30/08/1994	*********77	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3809
80	ĐÀM VĂN ĐỒNG	10/07/1994	*********49	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6307
81	DƯ THÀNH ĐỒNG	06/03/1991	*********48	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		5848
82	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	10/08/1980	*********44	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6720
83	NGUYỄN THANH ĐỨC	16/04/1995	*********77	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6973
84	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	20/08/2003	*********30	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		6740
85	NGUYỄN TUẤN ĐỨC	05/01/1999	*********38	Xã Xuân Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	4085
86	TRẦN VĂN ĐỨC	16/10/1983	*********18	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		2337
87	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	01/06/1999	*********92	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6503
88	LỮ DONG GUN	15/05/2002	*********70	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6741
89	ĐẬU VĂN GIANG	08/05/1992	*********46	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6721

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
90	NGUYỄN THỊ GIANG	15/04/2003	*********24	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6310
91	VŨ VĂN GIÁP	10/10/1993	*********93	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6131
92	PHẠM THỊ THANH HÀ	01/03/1988	*********49	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		6858
93	HỒ THỊ HÀ	03/07/2001	*********05	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6378
94	LÊ THỊ HÀ	01/01/1990	*********87	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6613
95	TRẦN THỊ HẢI	15/06/1993	*********89	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6760
96	VÕ THỊ HẢI	10/11/1984	*********53	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6786
97	VÕ DUY HẢI	14/04/1994	*********21	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		6830
98	LÊ MINH HẢI	02/02/1989	*********87	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6291
99	TRƯƠNG PHI HẢI	27/04/1997	*********66	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		2183
100	HỒ SỸ HẢI	12/12/1967	*********46	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		4741
101	HỒ TỐ HẢI	28/08/2000	*********91	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		6300
102	HỒ THỊ HẢI	29/05/2001	*********14	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6220
103	DƯƠNG ĐỨC HẢI	08/02/1976	*********44	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		6472
104	NGUYỄN THANH HẢI	25/12/1976	*********94	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		4783
105	TRƯƠNG ĐÌNH HẢI	04/09/1992	*********57	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5717
106	PHAN THỊ HẠNH	01/06/1997	*********17	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6880
107	THÁI THỊ HẠNH	25/08/1993	*********68	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6881

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
108	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	04/11/1980	*********06	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6722
109	VI ĐỨC HẠNH	07/10/1982	*********78	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6846
110	VÕ THỊ THÚY HẠNH	26/07/1992	*********17	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		3717
111	LÊ ĐỨC HẠNH	25/04/1984	*********92	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5315
112	HOÀNG THỊ HẠNH	10/05/1965	*********02	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		6341
113	LƯU THỊ HẢO	10/08/1982	*********86	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6860
114	TRỊNH THỊ HẢO	05/06/1993	*********01	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		6274
115	NGUYỄN THỊ HẢO	28/12/1976	*********08	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6201
116	NGUYỄN THỊ HẰNG	27/01/1982	*********76	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6694
117	NGUYỄN THỊ HẰNG	11/08/1998	*********30	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6859
118	PHAN THỊ HẰNG	15/05/1994	*********54	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6879
119	PHẠM THỊ THU HẰNG	16/12/1987	*********42	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		2429
120	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	24/03/1996	*********03	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6628
121	LỮ THỊ HẰNG	01/11/1980	*********24	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4767
122	THÁI THỊ HẰNG	14/07/1983	*********37	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		6268
123	PHẠM THỊ HẰNG	20/02/1982	*********44	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		3066
124	NGUYỄN THÚY HẰNG	14/08/2004	*********98	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		5858
125	PHẠM THỊ HẬU	02/01/1998	*********32	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6518

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
126	MAI QUANG HẬU	19/05/1959	*********10	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5859
127	TRẦN THỊ HẬU	17/08/1999	*********21	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6342
128	PHẠM THỊ HIÊN	02/02/1999	*********43	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	x		6519
129	LÊ THANH HIỀN	13/03/1991	*********15	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6695
130	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	23/06/1993	*********24	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6882
131	PHẠM THỊ THU HIỀN	27/07/1993	*********40	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6883
132	LƯƠNG THỊ HIỀN	10/10/1983	*********05	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6763
133	NGUYỄN THỊ HIỀN	02/05/2000	*********55	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		1845
134	NGUYỄN THỊ HIỀN	16/12/1993	*********25	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6266
135	NGÔ THỊ THU HIỀN	10/01/2000	*********85	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		4213
136	TRẦN THỊ THU HIỀN	09/05/1995	*********29	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6614
137	ĐINH THỊ HIỀN	26/11/1975	*********92	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5788
138	TRẦN THỊ HIỀN	02/10/1989	*********55	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6362
139	TRẦN QUANG HIỆP	16/12/2000	*********79	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6742
140	LỮ VĂN HIỆP	16/04/1986	*********64	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6847
141	TRẦN VĂN HIỆP	15/06/1993	*********96	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7056
142	THÁI NGUYÊN HIỆP	15/03/2001	*********39	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		5985
143	LƯƠNG THANH HIỆP	06/12/1994	*********50	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x		4939

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
144	TRẦN HỮU HIẾU	01/12/1992	*********04	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6149
145	NGUYỄN TRUNG HIẾU	24/02/2001	*********85	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		4311
146	LÊ ĐÌNH HIẾU	25/05/1998	*********81	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6504
147	NGUYỄN BÁ HIỆU	26/09/1981	*********49	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6696
148	PHẠM THỊ HOA	04/09/1985	*********45	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6818
149	NGUYỄN THỊ HOA	29/05/1984	*********23	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3986
150	CHU THỊ HOA	20/08/1997	*********07	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		6316
151	DƯƠNG THỊ HOA	19/08/1977	*********08	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6402
152	TRẦN THỊ HOÀ	02/08/1984	*********48	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6884
153	NGUYỄN NGỌC HÒA	02/10/1964	*********01	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6697
154	NGUYỄN VĂN HÒA	14/08/1999	*********70	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6798
155	ĐÀO THANH HÒA	19/10/1985	*********87	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x		5546
156	LÊ THỊ HÒA	13/01/1979	*********86	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		5508
157	PHAN THỊ HOÀI	26/02/2000	*********68	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6861
158	ĐẶNG XUÂN HOÀNG	27/10/2002	*********32	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6723
159	NGUYỄN VĂN HOÀNG	02/02/1990	*********00	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		6819
160	NGUYỄN HUY HOÀNG	21/02/2002	*********42	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		2449
161	NGUYỄN VĂN HOÀNG	15/10/1992	*********40	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x		4876

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
162	NGUYỄN THỊ HỒNG	11/07/2002	*********96	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6862
163	LỮ THỊ HỢI	06/07/1995	*********90	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5547
164	ĐẶNG THỊ HUẾ	03/02/1986	*********35	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6885
165	NGUYỄN THỊ HUỆ	26/04/1990	*********66	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6773
166	NGUYỄN VĂN HUỆ	04/11/1980	*********33	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5640
167	NGUYỄN THỊ HUỆ	16/06/1993	*********75	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6466
168	VŨ QUANG HUỆ	10/08/1978	*********87	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		5384
169	ĐẶNG XUÂN HÙNG	28/02/1995	*********13	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6724
170	PHẠM MẠNH HÙNG	21/02/1988	*********28	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6975
171	HOÀNG MẠNH HÙNG	03/04/1973	*********73	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6754
172	HỒ VĂN HÙNG	14/09/1994	*********30	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6831
173	LƯƠNG VĂN HÙNG	22/09/1989	*********00	Xã Xuân Thái, Tỉnh Thanh Hóa	x		3988
174	VÕ MẠNH HÙNG	06/06/1972	*********33	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		6579
175	NGUYỄN TUẤN HÙNG	05/04/2007	*********01	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6132
176	NGUYỄN QUANG HUY	01/02/1998	*********64	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6864
177	VŨ VĂN HUY	27/09/1994	*********	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		414
178	NGUYỄN QUỐC HUY	18/01/2005	*********38	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6419
179	NGUYỄN THỊ HUYỀN	08/05/1990	*********32	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6886

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
180	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	17/11/2002	*********39	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6887
181	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	01/02/2008	*********00	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6888
182	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	02/12/1992	*********66	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6787
183	LÊ THỊ HUYỀN	12/06/2001	*********51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6803
184	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	19/06/2000	*********77	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6269
185	LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG	27/08/1971	*********54	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6863
186	HỒ THỊ HƯƠNG	06/08/2002	*********66	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6710
187	LỮ THỊ THU HƯƠNG	28/08/1992	*********18	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x		6725
188	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	08/04/1974	*********44	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6788
189	HỒ THỊ THÚY HƯƠNG	16/01/1985	*********83	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5646
190	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	20/06/1993	*********53	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6365
191	LÊ THỊ HƯƠNG	25/08/1987	*********75	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5145
192	HOÀNG THỊ HƯỚNG	14/09/1993	*********18	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6774
193	HOÀNG TRUNG KIÊN	18/03/1996	*********84	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6711
194	ĐẶNG QUANG KIÊN	22/10/1982	*********66	Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa	x		5685
195	ĐOÀN TRUNG KIÊN	27/01/2001	*********18	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5811
196	NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU	19/05/1999	*********78	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6889
197	TRẦN VĂN KHẢI	15/05/1999	*********49	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6810

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
198	LANG VĂN KHIÊM	07/08/2003	*********77	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		4784
199	VÕ THỊ LAI	18/05/1983	*********79	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6890
200	NGUYỄN VĂN LAI	18/12/1990	*********80	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		4135
201	NGUYỄN THỊ LAM	26/10/1981	*********97	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		6344
202	NGUYỄN THỊ LAN	20/09/2000	*********22	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		5793
203	HỒ VĂN LÀNH	15/05/2001	*********06	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6422
204	HÀ VĂN LĂNG	02/08/1995	*********79	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6421
205	LỮ THỊ LÂM	21/05/1993	*********18	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x		2902
206	LỤC THỊ LÊ	12/04/1991	*********35	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6382
207	NGUYỄN THỊ LIÊN	07/09/1974	*********48	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6865
208	PHAN ÁI LIÊN	01/05/1979	*********11	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6789
209	TRẦN THỊ THÙY LIÊN	01/06/1991	*********32	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x		6820
210	NGÔ THỊ LINH	04/01/1992	*********50	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6698
211	ĐINH DIỆU LINH	07/07/1996	*********26	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6866
212	TRƯƠNG VIỆT LINH	24/05/1984	*********57	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6976
213	HỒ THỊ LINH	26/09/2000	*********23	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6790
214	HỒ THỊ ĐẠT LINH	28/10/1994	*********46	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		5636
215	VŨ THÁI THÙY LINH	16/01/2002	*********60	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5430

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
216	LÊ THÚY NHẬT LINH	05/06/1985	*********00	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		6207
217	NGUYỄN THỊ LOAN	10/12/1979	*********90	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6987
218	ĐINH THỊ LOAN	19/08/1986	*********03	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		5928
219	VI VĂN LONG	16/08/2004	*********55	Xã Mường Chọng, Tỉnh Nghệ An	x		6848
220	VI HẢI LONG	02/01/1997	*********64	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	7057
221	LẦU BÁ LÔNG	03/04/1996	*********96	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1440
222	PHAN TẤT LỢI	05/10/1992	*********63	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6891
223	QUÁN THỊ LỢI	03/12/1996	*********54	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		1701
224	NGUYỄN PHÚC LỢI	21/02/1985	*********04	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4544
225	NGÔ THỊ LỢI	01/11/1996	*********23	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6468
226	PHẠM ĐỨC LUÂN	26/05/1984	*********62	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6743
227	VŨ TIẾN LƯƠNG	05/05/2000	*********87	Xã Tượng Lĩnh, Tỉnh Thanh Hóa	x		6832
228	QUÁCH THỊ LƯƠNG	12/10/1980	*********85	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6286
229	NGUYỄN THỊ LƯU	18/10/1982	*********09	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		7014
230	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	14/07/2001	*********17	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6867
231	TRƯƠNG THỊ LY	01/05/1989	*********66	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6977
232	NGUYỄN THỊ LÝ	10/03/1994	*********05	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6281
233	ĐẶNG THỊ NGỌC MAI	15/09/1992	*********54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		642

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
234	LÊ HUY MẠNH	02/05/1965	*********08	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6868
235	CAO THẾ MẠNH	19/02/1987	*********60	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6727
236	NGUYỄN TRÍ MẠNH	01/06/2003	*********43	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6807
237	PHẠM THỊ MẾN	27/06/1982	*********14	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		4575
238	HOÀNG LÊ MINH	21/07/2005	*********62	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5431
239	HÀ TUẤN MINH	12/01/2005	*********37	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		3057
240	HÀ VĂN MINH	07/02/1991	*********91	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	3822
241	LƯƠNG THỊ MÙI	28/04/2003	*********36	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6712
242	VÕ XUÂN MỸ	27/01/1984	*********87	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		4578
243	ĐÀM THỊ LÊ NA	03/05/2005	*********49	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6827
244	NGUYỄN TRẦN HẢI NAM	20/10/2007	*********01	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6744
245	HỒ HỮU NAM	22/11/1977	*********11	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6833
246	TRẦN ĐÌNH NAM	09/10/1989	*********84	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6849
247	HÀ VĂN NAM	16/07/1982	*********94	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		5321
248	HỒ HỮU NAM	31/10/2005	*********60	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6001
249	NGÔ TRÍ NAM	22/11/1999	*********64	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6670
250	VI VĂN NĂM	10/11/1997	*********41	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6507
251	NGUYỄN HÀ NY	12/10/2000	*********62	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6776

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
252	MAI KHÁNH NGA	25/12/1988	*********89	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		6775
253	LÊ THỊ NGA	06/09/2002	*********86	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	6834
254	CHU VĂN NGÀ	10/04/1982	*********18	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6821
255	LÔ THỊ NGÂN	01/03/1995	*********72	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6869
256	LỮ THỊ THÚY NGÂN	28/06/1980	*********49	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6791
257	VI THỊ NGÂN	19/07/1982	*********08	Xã Tiền Phong, Tỉnh Nghệ An	x		5292
258	PHAN THỊ NGHĨ	01/06/1991	*********58	Xã Quang Hưng, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	6699
259	HỒ VĂN NGHĨA	17/03/1997	*********70	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6123
260	NGUYỄN BỈNH NGỌ	25/05/1990	*********07	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6978
261	MAI THỊ LỆ NGỌC	13/03/1988	*********89	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5615
262	ĐẶNG MINH NGỌC	19/03/1983	*********63	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		4293
263	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/08/1989	*********20	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		5516
264	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	08/11/1993	*********97	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6369
265	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	10/01/1983	*********78	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		1942
266	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	10/04/1977	*********11	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3995
267	LÊ THỊ NGUYỆT	20/10/1983	*********38	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		6475
268	TRẦN HƯNG NHÃ	17/12/2005	*********37	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5986
269	TRẦN THỊ NHÀI	01/07/1978	*********45	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		3751

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
270	VI THỊ NHÀN	03/02/1996	*********20	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6713
271	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	27/09/2002	*********10	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		4399
272	VÕ THỊ NHÀN	08/12/1996	*********87	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		5440
273	NGUYỄN BÁ NHÂN	20/10/1982	*********35	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6728
274	HỒ THẢO NHI	12/09/2007	*********20	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6870
275	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	16/03/1996	*********26	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6871
276	TRẦN THỊ NHUNG	02/10/1981	*********75	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6386
277	LÊ THỊ NHUNG	26/06/1993	*********12	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6476
278	NGUYỄN THỊ NHUNG	08/05/2001	*********61	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6384
279	TRẦN THỊ TỐ NHƯ	25/03/1998	*********43	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6792
280	NGUYỄN HỮU NHỰ	20/10/1985	*********29	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6853
281	CAO THỊ OANH	06/01/2000	*********33	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6872
282	ĐẶNG THỊ KIỀU OANH	28/08/2002	*********64	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6873
283	HỒ THỊ OANH	08/04/1995	*********12	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6777
284	TĂNG THỊ OANH	23/09/2005	*********72	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6387
285	NGUYỄN ĐÌNH PHIỆT	05/08/1965	*********23	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		6761
286	TRƯƠNG HỒNG PHONG	25/09/1991	*********63	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6729
287	NGUYỄN CHÂU PHONG	04/03/1967	*********66	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		6759

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	BÙI NGỌC PHONG	28/06/2002	*********02	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6854
289	NGUYỄN BÁ PHONG	01/07/1968	*********75	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		6532
290	DƯƠNG HỮU PHÚ	08/11/2004	*********51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		5550
291	TRỊNH THỊ PHÚC	23/10/1994	*********69	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		6874
292	LANG ANH PHÚC	29/07/1996	*********71	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6714
293	HOÀNG THỊ HẠNH PHÚC	25/11/2006	*********73	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		6101
294	TRƯƠNG HÙNG PHƯỚC	26/07/1993	*********48	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6841
295	HỒ THỊ PHƯƠNG	02/02/1984	*********40	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6892
296	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG	17/05/1996	*********41	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6893
297	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	23/02/1992	*********95	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6730
298	LÔ THỊ PHƯƠNG	28/02/1996	*********73	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		6766
299	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	02/10/1985	*********60	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6793
300	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	26/09/1986	*********77	Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	x		6110
301	NGÔ THỊ THIÊN PHƯƠNG	25/10/1999	*********25	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6533
302	LÊ THỊ PHƯƠNG	18/11/1988	*********12	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		5892
303	LÊ THỊ PHƯỢNG	20/06/1989	*********36	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6752
304	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	08/07/1982	*********47	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6599
305	PHẠM VĂN PHƯỢNG	28/06/1962	*********11	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		4103

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
306	CAO THỊ PHƯỢNG	08/08/1994	*********97	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		5782
307	SẦM VĂN QUAN	16/06/1985	*********61	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x		6318
308	TRỊNH XUÂN QUANG	21/08/2002	*********56	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3975
309	CAO XUÂN QUANG	31/08/1978	*********39	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6224
310	NGUYỄN NGỌC QUÂN	04/12/2003	*********39	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	6639
311	NGÔ ANH QUÂN	24/01/2000	*********42	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6598
312	TRẦN THỊ THU QUYÊN	21/10/1998	*********43	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6875
313	NGUYỄN THỊ QUYÊN	10/07/1992	*********95	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6894
314	HOÀNG THỊ QUYÊN	01/10/1991	*********62	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		3287
315	THÁI VĂN QUYỀN	07/10/1971	*********01	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6323
316	VŨ LÊ QUYẾT	14/12/1994	*********23	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6745
317	ĐẶNG THỊ QUỲNH	17/06/1986	*********78	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6895
318	DƯƠNG NHƯ QUỲNH	03/05/1996	*********21	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6896
319	NGUYỄN ĐÌNH QUỲNH	02/02/2000	*********00	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6225
320	TRẦN THỊ QUỲNH	12/04/1997	*********03	Phường Hải Lĩnh, Tỉnh Thanh Hóa	x		6104
321	LÊ PHƯỚC RIN	20/08/1999	*********78	Phường Hương Trà, Thành phố Huế	x	A1	6852
322	VI HOÀNG SANG	25/08/1993	*********32	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		6687
323	TRẦN VĂN SÁNG	18/11/1975	*********51	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6767

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
324	TRƯƠNG QUANG SÁNG	14/08/1999	*********03	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		6235
325	ĐÀO THỊ SOA	07/03/1986	*********98	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6389
326	NGUYỄN VIẾT SONG	20/11/2004	*********59	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		6425
327	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	01/05/1977	*********04	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5981
328	VŨ KHẮC SƠN	17/10/1986	*********23	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4146
329	ĐẶNG VĂN SƠN	05/10/1975	*********66	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6448
330	HOÀNG HỒNG SƠN	13/07/1996	*********43	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		5725
331	BÙI SƯƠNG	26/01/1984	*********77	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2760
332	ĐÀO XUÂN SỸ	27/08/2007	*********23	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		6844
333	MAI VĂN SỸ	20/10/1988	*********99	Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		3997
334	PHẠM VĂN SỸ	28/10/1991	*********10	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6449
335	MAI VĂN TÁM	01/02/1954	*********74	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6768
336	TRẦN VĂN TÁM	08/09/1987	*********88	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		5319
337	BÙI THỊ TÂM	12/03/1984	*********97	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6715
338	NGUYỄN THANH TÂM	10/11/1963	*********92	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		5210
339	LỘC VĂN TÂM	21/07/1991	*********33	Xã Tri Lễ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4517
340	TRƯƠNG THỊ THANH TÂM	12/06/1995	*********85	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	1853
341	NGUYỄN VĂN TẤM	18/08/1996	*********64	Xã Mường Chọng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6855

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
342	LÊ CÔNG TÂN	29/12/1988	*********72	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		6731
343	MAI VĂN TÂN	28/03/1976	*********32	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4021
344	NGUYỄN QUANG TIẾN	13/02/1996	*********60	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6748
345	HỒ VĂN TÌNH	30/12/1985	*********05	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6837
346	NGÔ XUÂN TÌNH	13/04/1973	*********01	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		4000
347	VI THỊ TÍNH	08/01/1984	*********71	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		4569
348	TRẦN THỊ TOAN	04/07/1999	*********98	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6374
349	BÙI THỊ TÚ	02/10/1994	*********95	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6717
350	VI TUẤN TÚ	09/03/1991	*********34	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		6718
351	TRẦN MINH TÚ	19/03/1982	*********19	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6306
352	ĐINH VĂN TUẤN	20/08/1979	*********80	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6704
353	LÊ VĂN TUẤN	01/05/1990	*********73	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6851
354	NGUYỄN QUỐC TUẤN	04/11/1994	*********06	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6325
355	PHẠM ANH TUẤN	29/05/2000	*********72	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6303
356	TRẦN MINH TÙNG	11/08/1969	*********50	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6781
357	HỒ THỊ TUYẾT	05/05/1979	*********19	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6705
358	TRẦN THỊ TUYẾT	15/01/1988	*********17	Xã Tượng Lĩnh, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	6408
359	LÊ THỊ TƯỜNG	08/10/1982	*********22	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3512

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
360	VÕ VĂN TÝ	10/02/1989	*********65	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		6641
361	LƯƠNG VĂN THÁI	05/08/1988	*********81	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		6845
362	LÊ ANH THÁI	16/07/2003	*********76	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		5279
363	NGUYỄN THỊ THÁI	20/07/1992	*********66	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		5394
364	ĐÀO PHẠM DUY THANH	08/08/2004	*********72	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6733
365	ĐỖ HÙNG THANH	15/07/1977	*********36	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		6778
366	NGUYỄN VĂN THANH	05/09/1985	*********25	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		6801
367	TRẦN VĂN THANH	10/11/1981	*********78	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		6822
368	NGUYỄN TRUNG THANH	05/10/1979	*********71	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6828
369	LÊ VĂN THANH	19/09/1978	*********64	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6836
370	PHẠM THỊ THANH	20/09/1985	*********55	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		3071
371	CAO XUÂN THANH	28/04/1989	*********15	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4703
372	VƯƠNG XUÂN THANH	06/06/1987	*********53	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		3977
373	HOÀNG ĐỨC THÀNH	20/07/1995	*********19	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6982
374	TRẦN VĂN THÀNH	06/09/1990	*********19	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6746
375	LANG VĂN THÀNH	13/05/2001	*********20	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		6800
376	NGUYỄN VĂN THÀNH	01/10/1984	*********57	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		1227
377	HOÀNG VĂN THÀNH	08/11/1998	*********28	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6308

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
378	NGUYỄN NGỌC THÀNH	06/09/1984	*********35	Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		6450
379	NGUYỄN VÕ THÀNH	04/10/1992	*********75	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6640
380	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	12/04/2000	*********98	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		6075
381	ĐẶNG THỊ THAO	05/05/1980	*********35	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		5976
382	ĐINH THỊ THẢO	05/10/1989	*********91	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6897
383	LƯƠNG THỊ THẢO	09/04/1983	*********61	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		1763
384	SẦM THỊ THẢO	07/12/1983	*********28	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5438
385	ĐẬU THỊ THẮM	26/07/2001	*********24	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6981
386	NGUYỄN THỊ THẮM	10/05/1999	*********51	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5880
387	HỒ THỊ THẮM	07/01/2003	*********36	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	5176
388	CAO THỊ THẮM	24/04/1980	*********41	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		6212
389	BÙI THỊ THẮM	07/02/1999	*********43	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		6348
390	HỒ ĐỨC THẮNG	21/11/1988	*********17	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6732
391	TRỊNH XUÂN THẮNG	12/04/1986	*********76	Xã Như Thanh, Tỉnh Thanh Hóa	x		6835
392	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	28/08/1998	*********77	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6850
393	DƯƠNG MẠNH THẮNG	26/04/1985	*********49	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		4365
394	HỒ VIẾT THÂN	10/08/1971	*********89	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x		6228
395	TRẦN NGUYỄN THẾ	16/12/1996	*********16	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6426

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
396	LÊ ĐĂNG THI	14/11/1995	*********13	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6509
397	HOÀNG XUÂN THÌN	04/11/1994	*********79	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6451
398	LÊ THỊ THỊNH	10/10/1992	*********81	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		6779
399	LÊ ĐỨC THỊNH	20/02/1993	*********32	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		6238
400	TRẦN THỊ THO	15/01/1987	*********91	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		5211
401	BÙI THỊ THOA	26/08/1995	*********60	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6716
402	VŨ THỊ THƠM	10/04/1994	*********54	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6876
403	HOÀNG THỊ THƠM	20/05/1994	*********39	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6898
404	NGUYỄN THỊ THƠM	02/09/1988	*********28	Xã Nghĩa Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		6780
405	LƯƠNG THỊ THU	17/06/1994	*********07	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6764
406	ĐẶNG THỊ THỦY	01/10/1984	*********88	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		6701
407	PHAN THỊ THỦY	01/07/1979	*********68	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6969
408	HỒ THỊ THỦY	10/06/1988	*********89	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6795
409	VÕ THỊ THỦY	15/04/1991	*********49	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6808
410	TRẦN THANH THÚY	01/06/1990	*********56	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		6747
411	ĐINH THỊ THÚY	04/04/1997	*********52	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6769
412	HỒ THỊ DIỆU THÚY	18/08/1994	*********83	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6770
413	NGUYỄN THỊ THÚY	26/09/1977	*********38	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		6782

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
414	TĂNG THỊ THƯƠNG	10/10/1993	*********46	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6757
415	HỒ CÔNG THƯƠNG	01/07/1973	*********51	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		6794
416	LÊ VĂN THƯƠNG	08/02/1989	*********14	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		6842
417	HOÀNG THỊ THƯƠNG	20/12/1997	*********22	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6331
418	KIM VĂN THƯƠNG	10/10/1990	*********41	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		3792
419	HOÀNG THỊ TRÀ	05/10/1978	*********48	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6702
420	LỤC NAM TRÀ	12/06/1983	*********15	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		6823
421	VĂN THỊ TRANG	02/06/1993	*********19	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6703
422	ĐẶNG THỊ TRANG	07/11/1990	*********28	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6899
423	MAI HUYỀN TRANG	16/08/2003	*********50	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6796
424	NGUYỄN THU TRANG	12/02/1992	*********91	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	6797
425	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	07/06/1991	*********87	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2201
426	TRẦN THỊ THẢO TRANG	12/03/2002	*********13	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		5708
427	DƯƠNG THỊ TRANG	27/08/1997	*********02	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	4497
428	VŨ THỊ KIỀU TRANG	20/11/1988	*********91	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6631
429	TRỊNH THỊ HUYỀN TRANG	17/12/1996	*********88	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		5290
430	NGUYỄN ĐÌNH TRÍ	10/05/1994	*********19	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6734
431	LÊ VĂN TRÍ	06/09/1979	*********11	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		6970

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
432	LƯƠNG QUỐC TRÍ	06/01/2002	*********44	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6971
433	NÔNG KIỀU TRINH	09/08/2002	*********13	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		4372
434	VŨ XUÂN TRỌNG	15/05/1984	*********04	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6983
435	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	15/05/1992	*********22	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6749
436	NGUYỄN VĂN TRUNG	11/05/1996	*********82	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		6436
437	NGUYỄN XUÂN TRUNG	29/08/1987	*********36	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6585
438	TRƯƠNG VĂN TRUNG	20/01/2005	*********50	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		306
439	LÔ XUÂN TRƯỜNG	31/03/2007	*********09	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x		6843
440	TRẦN KHÁNH TÚ UYÊN	19/12/2003	*********80	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6877
441	HỒ THỊ VÂN	25/05/1994	*********58	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6806
442	VANG HÁN VIỆT	10/02/2002	*********40	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6439
443	ĐINH THỊ VINH	08/11/1992	*********33	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6706
444	TRẦN THỊ VINH	21/06/1996	*********11	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		2079
445	CAO HỮU VINH	05/08/1985	*********33	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6409
446	LA VĂN VINH	24/11/1986	*********57	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	2432
447	TRẦN HOÀNG VŨ	03/02/1985	*********50	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		4376
448	LỮ VĂN VŨ	02/03/1989	*********34	Xã Quỳ Châu, Tỉnh Nghệ An	x		6440
449	TRƯƠNG QUỐC VƯƠNG	20/08/2001	*********52	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		6512

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
450	MAI THỊ VY	02/08/2002	*********94	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	6735
451	HOÀNG NHƯ XUÂN	12/09/1960	*********17	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		6783